



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 27



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương được thành lập theo Quyết định số 1685/2002/QĐ/BTM, ngày 30 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Thương mại; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103002086, ngày 07 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 4 năm 2011.

Trụ sở được đặt tại số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty có mở Chi nhánh Hải Phòng tại 208 Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.720.000.000 đồng.

Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty có đầu tư vào một công ty con, Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; bốc xếp, giao nhận, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá nội địa và quá cảnh;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hoá;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống.
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển: xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển.
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Môi giới hàng hải;
- Đại lý tàu biển.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Khúc Văn Dụ	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Ngọc Loan	Thành viên
Ông Đỗ Xuân Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giang	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Khúc Văn Dụ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

3. Thành viên Ban kiểm soát

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Nguyễn Bích Liên	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Ủy viên
Bà Dương Minh Châu	Ủy viên

4. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

6. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tập đoàn.

7. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

KHÚC VĂN DỤ



Số: 13.153/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 19 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 27 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2013

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		218.575.060.418	213.492.377.076
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	85.438.006.810	81.543.488.953
1. Tiền	111		34.514.928.110	34.503.888.953
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.923.078.700	47.039.600.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	8.134.000.000	31.446.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.134.000.000	31.446.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	99.518.603.210	83.444.750.573
1. Phải thu khách hàng	131		85.905.594.958	64.043.265.735
2. Trả trước cho người bán	132		14.482.671.126	19.241.287.903
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		863.438.188	355.581.345
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.733.101.062)	(195.384.410)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.484.450.398	17.058.137.550
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		90.000.000	90.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.032.554.655	582.745.182
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		613.285.543	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	23.748.610.200	16.385.392.368

(Phần tiếp theo ở trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.591.629.291	40.762.003.015
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		34.525.774.833	31.074.801.578
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	17.543.691.382	21.528.585.451
+ Nguyên giá	222		35.782.645.967	36.041.191.741
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.238.954.585)	(14.512.606.290)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	1.153.261.032	1.275.494.976
+ Nguyên giá	228		2.237.750.157	2.197.750.157
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.084.489.125)	(922.255.181)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.7)	15.828.822.419	8.270.721.151
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	9.733.026.540	9.177.048.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		890.000.000	890.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		9.525.000.000	9.525.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(681.973.460)	(1.237.952.000)
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Tài sản dài hạn khác	270		332.827.918	510.153.437
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	(5.9)	332.827.918	510.153.437
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3. Tài sản dài hạn khác	278			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		263.166.689.709	254.254.380.091

(Phần tiếp theo ở trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		163.287.214.901	164.239.120.378
I. Nợ ngắn hạn	310		163.287.214.901	164.239.120.378
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	123.161.795.728	138.758.597.040
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	682.115.842	2.831.084.227
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	4.135.124.647	3.674.618.718
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	10.533.915.737	10.053.055.707
6. Chi phí phải trả	316		7.945.666.871	993.217.919
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.13)	16.410.996.848	7.298.138.538
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		417.599.228	630.408.229
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		99.879.474.808	90.015.259.713
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.14)	99.879.474.808	90.015.259.713
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.14.2)	54.720.000.000	54.720.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.029.300.000	1.029.300.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(817.208.082)	(817.208.082)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.021.870.476	7.563.230.144
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		500.000.000	500.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.000.000.000	3.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.14.5)	32.425.512.414	24.019.937.651
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		263.166.689.709	254.254.380.091

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ			-
+ USD		607.092,10	666.229,46
+ JPY		33.000,00	33.000,00
+ EUR		5.543,97	20.444,45
+ SGD		500,00	500,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỒ THỊ THU HIỀN

KHÚC VĂN DỰ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		539.588.843.594	512.768.293.462
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	539.588.843.594	512.768.293.462
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	499.478.222.946	482.693.850.243
5. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm	20		40.110.620.648	30.074.443.219
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	14.542.639.357	21.737.347.946
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	1.312.976.314	9.440.283.716
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			11.506.849
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	19.201.097.892	14.903.266.108
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.139.185.799	27.468.241.341
11. Thu nhập khác	31	(6.6)	879.390.397	1.662.573.485
12. Chi phí khác	32	(6.7)	809.122.480	849.776.394
13. Lợi nhuận khác	40		70.267.917	812.797.091
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.209.453.716	28.281.038.432
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	7.032.271.425	6.095.937.276
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.177.182.291	22.185.101.156
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61			
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		27.177.182.291	22.185.101.156
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.14.4)	5.017	4.096

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC**ĐỖ THỊ THU HIỀN****KHÚC VĂN DỤ**

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.209.453.716	28.281.038.432
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.906.314.485	3.818.576.137
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012	03		981.738.112	1.433.336.410
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(141.349.408)	263.558.428
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.223.336.797)	(17.575.920.245)
Chi phí lãi vay	06		-	11.506.849
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		22.732.820.108	16.232.096.011
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.512.138.516)	(16.729.098.825)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		1.997.813.736	35.378.254.214
Tăng giảm chi phí trả trước	12		177.325.519	(23.636.869)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	(11.506.849)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.326.016.269)	(6.991.171.118)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		420.000.000	100.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8.078.760.000)	(3.082.932.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		7.411.044.577	24.872.004.064
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.271.430.073)	(8.888.362.973)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		536.000.000	804.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(25.500.000.000)	(33.446.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		37.446.000.000	29.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.826.773.848	10.197.601.616
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.037.343.775	(2.332.761.357)

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(817.208.082)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	4.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(4.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.552.168.000)	(7.405.054.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.552.168.000)	(8.222.262.582)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		3.896.220.352	14.316.980.125
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		81.543.488.953	66.635.352.094
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.702.495)	591.156.734
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		85.438.006.810	81.543.488.953

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ THU HIỀN

KHÚC VĂN DỤ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 1685/2002QĐ/BTM ngày 30 tháng 12 năm 2002 của Bộ Trưởng Bộ Thương Mại và Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 04 năm 2011.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Công ty có mở chi nhánh Hải Phòng tại 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.720.000.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; bốc xếp, giao nhận, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá nội địa và quá cảnh;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hoá;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Đường Thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống.
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển: xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển.
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Môi giới hàng hải;
- Đại lý tàu biển.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con của Công ty được hợp nhất là Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành (Hanotrans) với các thông tin như sau:

Quyền biểu quyết của Công ty: 100%.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100%.

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết không được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty liên doanh, liên kết không được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất là Công ty Cổ phần Giao Nhận, Vận Tải Vinashinlines – Vinatrans (Shintrans) với các thông tin như sau:

1. Quyền biểu quyết của Công ty: 44,5%
2. Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 44,5%
3. Địa chỉ: Số 115 Đường bao Trần Hưng Đạo, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Nguyên nhân không hợp nhất quyền lợi là do Shintrans đang trong giai đoạn tiến hành các thủ tục giải thể.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất - để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương, báo cáo tài chính công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Tập đoàn theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Tập đoàn.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 24 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm
+ Chi phí để có quyền sử dụng đất	13 năm
+ Phần mềm quản lý	03 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Quỹ lương

Quỹ lương năm 2012 đã được trích theo Quyết định số 001-2012/TGD của Tổng Giám đốc Công ty ngày 16 tháng 04 năm 2012.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận chưa phân phối năm 2011 được phân phối theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 28 tháng 04 năm 2012.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi đối với hoạt động kinh doanh chính là 20% trong 10 năm kể từ năm 2003, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động khác là 25%.
- Thuế suất thuế TNDN của Công ty con là 25%. Công ty con được ưu đãi miễn giảm thuế theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012 của Bộ Tài chính, ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân. Theo đó các doanh nghiệp nhỏ và vừa được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2012.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	2.416.638.047	2.140.124.932
Tiền gửi ngân hàng	32.098.290.063	32.363.764.021
Các khoản tương đương tiền	50.923.078.700	47.039.600.000
Tổng cộng	85.438.006.810	81.543.488.953

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tuần đến 3 tháng tại Ngân hàng.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 – 9 tháng tại Ngân hàng.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	85.905.594.958	64.043.265.735
Trả trước cho người bán	14.482.671.126	19.241.287.903
Các khoản phải thu khác	863.438.188	355.581.345
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	101.251.704.272	83.640.134.983
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.733.101.062)	(195.384.410)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	99.518.603.210	83.444.750.573

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	617.710.200	909.552.368
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23.130.900.000	15.475.840.000
Tổng cộng	23.748.610.200	16.385.392.368

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.749.745.867	1.882.681.098	28.132.011.090	1.276.753.686	36.041.191.741
Mua trong năm	-	101.545.135	-	158.090.909	259.636.044
Thanh lý, nhượng bán	-	-	518.181.818	-	518.181.818
Số dư cuối năm	<u>4.749.745.867</u>	<u>1.984.226.233</u>	<u>27.613.829.272</u>	<u>1.434.844.595</u>	<u>35.782.645.967</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.370.864.718	866.962.725	10.245.768.122	1.029.010.725	14.512.606.290
Khấu hao trong năm	168.222.564	242.625.442	3.179.378.449	141.085.268	3.731.311.723
Thanh lý, nhượng bán	-	-	4.963.428	-	4.963.428
Số dư cuối năm	<u>2.539.087.282</u>	<u>1.109.588.167</u>	<u>13.420.183.143</u>	<u>1.170.095.993</u>	<u>18.238.954.585</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.378.881.149	1.015.718.373	17.886.242.968	247.742.961	21.528.585.451
Tại ngày cuối năm	<u>2.210.658.585</u>	<u>874.638.066</u>	<u>14.193.646.129</u>	<u>264.748.602</u>	<u>17.543.691.382</u>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.336.902.367 đồng

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.823.682.327	374.067.830	2.197.750.157
Mua trong năm	-	40.000.000	40.000.000
Số dư cuối kỳ	<u>1.823.682.327</u>	<u>414.067.830</u>	<u>2.237.750.157</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	684.870.810	237.384.371	922.255.181
Khấu hao trong năm	108.535.896	53.698.048	162.233.944
Số dư cuối năm	<u>793.406.706</u>	<u>291.082.419</u>	<u>1.084.489.125</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.138.811.517	136.683.459	1.275.494.976
Tại ngày cuối năm	<u>1.030.275.621</u>	<u>122.985.411</u>	<u>1.153.261.032</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí khảo sát, nghiên cứu dự án xây dựng kho bãi	15.734.483.419	8.201.382.151
Chi phí tư vấn thiết kế xây dựng văn phòng	69.339.000	69.339.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	25.000.000	-
Tổng cộng	15.828.822.419	8.270.721.151

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	890.000.000	890.000.000
Đầu tư cổ phiếu	9.525.000.000	9.525.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	10.415.000.000	10.415.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(681.973.460)	(1.237.952.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	9.733.026.540	9.177.048.000

Đầu tư vào công ty liên kết là khoản đầu tư 44,5% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Giao Nhận, Vận Tải Vinashinlines – Vinatrans (Shintrans). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Shintrans đã có quyết định giải thể theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2012 và đang chờ thông báo giải thể từ Sở Kế Hoạch và Đầu Tư nên chưa xử lý phần tài sản giữa hai bên. Đồng thời, theo báo cáo tài chính năm 2012 của Shintrans, tài sản còn lại của công ty lớn hơn giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Đầu tư cổ phiếu là các khoản đầu tư vào các đơn vị sau:

	Số tiền	Tỷ lệ góp vốn
Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại (Vinalink)	6.900.000.000	5,62%
Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (Vinafreight)	2.625.000.000	3,13%
	9.525.000.000	

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

Là giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Tập đoàn phân bổ 50% giá trị khi đưa công cụ, dụng cụ vào sử dụng và 50% giá trị còn lại vào năm thứ 3 tính từ lúc phát sinh.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	123.161.795.728	138.758.597.040
Người mua trả tiền trước	682.115.842	2.831.084.227
Tổng cộng	123.843.911.570	141.589.681.267

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	183.445.495	166.063.869
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.937.834.452	1.618.293.753
Thuế thu nhập cá nhân	766.751.132	936.419.666
Các loại thuế khác	1.247.093.568	953.841.430
Tổng cộng	4.135.124.647	3.674.618.718

5.12. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2012 còn phải trả.

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
BHXH, BHYT, BHTN	4.396.578	7.002.907
Cổ tức phải trả	1.015.062.000	6.784.040.000
Nhận tiền cược cho thuê container lạnh	4.930.000.000	286.000.000
Nhận tiền tạm ứng dự án phát triển lúa gạo tại Cuba	5.367.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.094.538.270	221.095.631
Tổng cộng	16.410.996.848	7.298.138.538

(Phần tiếp theo ở trang 19)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	ĐVT: ngàn đồng								
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	54.720.000	1.029.300	-	(225.611)	6.586.256	500.000	2.000.000	22.528.854	87.138.799
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	22.185.101	22.185.101
Trích quỹ	-	-	-	-	976.974	-	1.000.000	(3.940.705)	(1.963.731)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(817.208)	-	-	-	-	-	(817.208)
Chia cổ tức 2010	-	-	-	-	-	-	-	(5.472.000)	(5.472.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1/2011	-	-	-	-	-	-	-	(5.472.000)	(5.472.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 2/2011	-	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)
Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(392.713)	(392.713)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	225.611	-	-	-	-	225.611
Số dư đầu năm nay	54.720.000	1.029.300	(817.208)	-	7.563.230	500.000	3.000.000	24.019.937	90.015.259
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	27.177.182	27.177.182
Trích quỹ	-	-	-	-	458.640	-	1.000.000	(4.786.405)	(3.327.765)
Chia cổ tức 2011	-	-	-	-	-	-	-	(2.708.300)	(2.708.300)
Tạm ứng cổ tức đợt 1/2012	-	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)
Tạm ứng cổ tức đợt 2/2012	-	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)
Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(443.702)	(443.702)
Số dư cuối năm	54.720.000	1.029.300	(817.208)	-	8.021.870	500.000	4.000.000	32.425.512	99.879.475

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	10,96%	6.000.000.000	10,96%
Vốn góp của các đối tượng khác	48.720.000.000	89,04%	48.720.000.000	89,04%
Tổng cộng	54.720.000.000	100%	54.720.000.000	100%

5.14.3. Cổ tức

- Cổ tức đợt 1 và đợt 2 năm 2012 được tạm chia theo Nghị Quyết của Hội Đồng Quản Trị.
- Cổ tức năm 2012 sẽ được công bố sau khi tổ chức Đại hội Cổ đông năm 2013.

5.14.4. Cổ phần

▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.472.000	5.472.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	5.472.000	5.472.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	55.400	55.400
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.416.600	5.416.600
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.14.5. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	27.177.182.291	22.185.101.156
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	5.416.600	5.416.600
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	5.017	4.096

5.14.6. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	24.019.937.651	22.528.854.195
Lợi nhuận sau thuế trong năm	27.177.182.291	22.185.101.156
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.771.467.196)	(2.356.443.526)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(458.640.332)	(976.974.174)
Trích quỹ dự trữ vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trả cổ tức năm 2011	(2.708.300.000)	(5.472.000.000)
Trích cổ tức phải trả năm 2012	(10.833.200.000)	(10.888.600.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	32.425.512.414	24.019.937.651

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	539.588.843.594	512.768.293.462

6.2. Giá vốn

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	37.099.649.808	30.037.451.629
Chi phí công cụ dụng cụ	371.751.066	352.754.926
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.064.709.546	2.858.622.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	448.566.117.719	438.558.281.912
Chi phí bằng tiền khác	10.375.994.807	10.886.739.624
Tổng cộng	499.478.222.946	482.693.850.243

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận được chia từ Vinalink và Vinafreight	933.310.000	2.142.728.000
Lãi tiền gửi Ngân hàng	10.651.773.848	8.914.291.616
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.816.206.101	10.680.328.330
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	141.349.408	-
Tổng cộng	14.542.639.357	21.737.347.946

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	11.506.849
Dự phòng đầu tư tài chính	-	1.237.952.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.312.976.314	8.190.824.867
Tổng cộng	1.312.976.314	9.440.283.716

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.141.904.574	6.602.875.405
Chi phí đồ dùng văn phòng	133.896.088	112.012.776
Chi phí khấu hao TSCĐ	841.604.939	959.953.985
Thuế, phí và lệ phí	194.439.671	177.595.760
Chi phí dự phòng	1.649.202.559	195.384.410
Chi phí bằng tiền khác	8.240.050.061	6.855.443.772
Tổng cộng	19.201.097.892	14.903.266.108

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	926.727.273
Thu nhập khác	879.390.397	735.846.212
Tổng cộng	879.390.397	1.662.573.485

6.7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	809.122.480	844.776.394
Chi phí khác	-	5.000.000
Tổng cộng	809.122.480	849.776.394

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Thuế suất thuế TNDN 20%	Thuế suất thuế TNDN 25%	Cộng
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	33.231.341.060	5.580.815.177	38.812.156.237
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	35.000.000	8.400.000	43.400.000
Cổ tức được chia	(5.536.012.521)	-	(5.536.012.521)
Thu nhập từ hoạt động khác	(10.161.861.224)		(10.161.861.224)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	17.568.467.315	5.589.215.177	23.157.682.492
Thuế suất theo thuế TNDN	20%	25%	-
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	3.513.693.463	1.397.303.794	4.910.997.257
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động khác	2.540.465.306		2.540.465.306
Trừ thuế TNDN được miễn giảm theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012		(419.191.138)	(419.191.138)
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	6.054.158.769	978.112.656	7.032.271.425

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	45.241.554.382	36.640.327.034
Chi phí công cụ, dụng cụ	505.647.154	464.767.702
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.906.314.485	3.818.576.137
Chi phí dự phòng	1.649.202.559	195.384.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	448.566.117.719	438.558.281.912
Chi phí khác bằng tiền	18.810.484.539	17.919.779.156
Tổng cộng	518.679.320.838	497.597.116.351

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- + Hà Nội
- + Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Hà Nội	Hải Phòng	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu				
Từ khách hàng bên ngoài	364.424.718.990	175.164.124.604	-	539.588.843.594
Giữa các bộ phận	24.905.744.491	7.425.014.141	(32.330.758.632)	-
Tổng cộng	389.330.463.481	182.589.138.745	(32.330.758.632)	539.588.843.594
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả của bộ phận	6.482.340.147	14.427.182.609	-	20.909.522.756
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	6.482.340.147	14.427.182.609	-	20.909.522.756
Thu nhập tài chính	11.240.030.282	3.302.609.075	-	14.542.639.357
Chi phí tài chính	598.092.736	714.883.578	-	1.312.976.314
Lợi nhuận khác	116.951.381	(46.683.464)	-	70.267.917
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.524.588.275	3.507.683.150	-	7.032.271.425
Lợi nhuận sau thuế	13.716.640.799	13.460.541.492	-	27.177.182.291
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	13.716.640.799	13.460.541.492	-	27.177.182.291

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Hà Nội	Hải Phòng	Loại trừ	Tổng cộng
Các thông tin khác				
Tài sản của bộ phận	167.235.940.459	133.599.760.310	(37.669.011.060)	263.166.689.709
Công ty liên kết	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất				263.166.689.709
Nợ phải trả của bộ phận	67.356.465.651	133.599.760.310	(37.669.011.060)	163.287.214.901
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất				163.287.214.901
Chi phí mua sắm tài sản	(122.759.999)	(8.148.670.074)	-	(8.271.430.073)
Chi phí khấu hao	508.374.331	3.397.940.154	-	3.906.314.485

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất vì hoạt động của Tập đoàn chỉ là cung cấp dịch vụ logistics nên báo cáo kết quả kinh doanh để trình bày doanh thu, chi phí và thu nhập của hoạt động, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và công ty con, được gọi là các bên liên quan đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Thù lao Hội đồng quản trị và lương của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	448.056.197	342.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc	1.063.816.908	1.164.435.528

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.438.006.810	81.543.488.953
Đầu tư ngắn hạn	8.134.000.000	31.446.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.035.932.084	78.414.239.748
Đầu tư tài chính dài hạn	8.843.026.540	8.287.048.000
Tài sản tài chính khác	23.130.900.000	15.475.840.000
Tổng cộng	210.581.865.434	215.166.616.701
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	139.572.792.576	146.049.732.671
Chi phí phải trả	7.945.666.871	993.217.919
Tổng cộng	147.518.459.447	147.042.950.590

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ tài chính		Tài sản tài chính	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	4.946.989,78	5.445.667,70	2.536.130,41	2.464.386,82
Yên Nhật (JYP)	-	-	33.000,00	33.000,00
Euro (EUR)	-	-	5.543,97	20.444,45
Đô la Singapore (SGD)	-	-	500,00	500,00

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi Tập đoàn vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

(Phần tiếp theo ở trang 27)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	139.572.792.576		139.572.792.576
Chi phí phải trả	7.945.666.871		7.945.666.871
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	146.049.732.671	-	146.049.732.671
Chi phí phải trả	993.217.919	-	993.217.919

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.035.932.084		85.035.932.084
Tài sản tài chính khác	23.130.900.000		23.130.900.000
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.414.239.748	-	78.414.239.748
Tài sản tài chính khác	15.475.840.000	-	15.475.840.000

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 19 tháng 03 năm 2013.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ THU HIỀN

KHÚC VĂN DỤ